

Bản án số: 280/2023/HS-PT  
Ngày: 28/8/2023.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Văn Hậu.
- Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 255/2023/HSPT ngày 20/7/2023 đối với các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thị D**, sinh năm 1983 tại tỉnh Trà Vinh; nơi thường trú: **Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước**; nơi cư trú sau khi thay đổi biện pháp ngăn chặn: **32/17C Phan Văn Đ, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở hiện nay: **6 Tổ C, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn N** và bà **Nguyễn Thị V** (đã chết); có chồng và 02 con sinh năm 2006 và năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2022, đến ngày 16/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: **Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N1** và bà **Huỳnh Thị N2**; có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2022, đến ngày 16/11/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư **Vũ Văn T** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Đ** bào chữa cho bị cáo **Trần Thị D** (vắng mặt, bị cáo **D** đồng ý xét xử).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định nên Trần Thị Diễm bán số đề cho con bạc tại địa chỉ **C P, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh** để có tiền tiêu xài.

Vào khoảng 13 giờ 00 ngày 03/11/2022, khi **D** đang ở nhà thì **Nguyễn Thị Bé H** đến nhà gặp **D** để mua số đề, **H** mua hai phôi đề, **D** ghi hai phôi đề rồi đưa cho **H**. Khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, **H** tiếp tục quay lại để mua ba phôi đề. Tổng cộng **D** ghi năm phôi đề cho **H**, **D** nhớ bán cho **H** các số 186, 859, 349, 310, 273, 86, 59, 49, 10, 73 đều của đài xổ tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang, tổng số tiền **H** mua số đề của **D** là 3.900.000 đồng, **D** đã thu đủ số tiền này và giao năm phôi đề cho **H**.

Đến khoảng 16 giờ 40 cùng ngày, **H** đi cùng anh trai ruột là **Nguyễn Văn Q** đến nhà **D**. Khi đến nơi, **Q** ngồi trên xe gắn máy đợi trước cửa, còn **H** vào trong gặp **D** đưa phôi đề ghi số 273, 73, 49 nói trúng đề, **D** kiểm tra tờ phôi thì thấy đúng là chữ do mình viết, **H** đã trúng thưởng 02 phôi với các số: 273 trúng xiu chủ (**H** đánh 300.000 đồng, tỉ lệ cược 1 ăn 640, sau khi trúng **H** được nhận 300.000 đồng x 640 = 192.000.000 đồng); 73 trúng lô (**H** đánh 10.000 đồng, tỉ lệ cược 1 ăn 74, **H** = trúng được 10.000 đồng x 74 = 740.000 đồng); 49 trúng lô (**H** đánh 20.000 đồng, tỉ lệ cược 1 ăn 74, **H** trúng được 20.000 đồng x 74 = 1.480.000 đồng). Do số tiền **H** trúng hơn 190.000.000 đồng nên **D** hẹn **H** đến khoảng 19 giờ cùng ngày quay lại nhận tiền thì **H** đồng ý. **D** thanh toán trước cho **H** số tiền 1.480.000 đồng (là số tiền trúng lô số 49 tỉ lệ cược là 1 ăn 74, mà **H** đánh 20.000 đồng x 74 = 1.480.000 đồng).

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, **H** cầm tờ phôi đề số 273, 73 quay lại gặp **D**. Do không có tiền trả cho **H** nên **D** nhận phôi và trả trước cho **H** số tiền 20.000.000 đồng. **H** nói **D** viết cho **H** giấy xác nhận nên **D** viết cho **H** 01 tờ giấy với nội dung “chị **H** trúng số 190.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 170.000.000 đồng”, **D** ký tên lên trên tờ giấy trên đưa cho **H**. Do số tiền **H** trúng số quá lớn, **D** không có đủ khả năng thanh toán nên **D** nghĩ đến chuyện đi báo Công an để không phải trả tiền cho **H**. Đến sáng ngày 04/11/2022, **D** mang tờ phôi trên và làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Khoảng gần 20 giờ cùng ngày 04/11/2022, **D** gọi điện thoại cho **H** để đến nhận tiền, khi **H** vừa đến nhận số tiền 10.000.000 đồng thì bị Cơ quan Công an vào kiểm tra và mời **D**, **H** về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện H**, **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

**Trần Thị D** khai nhận tờ phôi có nội dung “3/11/TN-273XC300-73 bao 10-624” là do **D** ghi bán số đề cho **H** có nghĩa là ngày 03 tháng 11, đài xổ số kiến thiết Tây Ninh, đặt cược số 273 xổ chủ, số tiền 300.000 đồng, đặt cược số 73 bao 18 lô, số tiền 10.000 đồng/1 lô. Tổng số tiền con bạc phải đưa cho người bán số đề là 624.000 đồng. Số tiền trúng cao và **D** không có tiền trả nên đã trình báo với Công an mục đích là không trả số tiền trúng thưởng cho **H**. Số tiền **D** đã đưa cho **H** là trả trước số tiền trúng thưởng, **H** không đe dọa, ép buộc **D** phải đưa tiền.

Tiến hành cho **Trần Thị D** và **Nguyễn Thị Bé H** nhận dạng lẫn nhau. Kết quả **D** và **H** đều xác định là người đã mua và bán số đề cho nhau. Tiến hành đối chất lời khai của **D** phù hợp với lời khai của **H**. **D** thừa nhận tự đứng ra bán số đề và chung chi trực tiếp cho người chơi số đề. **D** không nhớ rõ số tiền thu lợi bất chính vì có khi thắng, có khi thua, số tiền thu được đã sử dụng vào việc chi tiêu trong gia đình.

Tại Bản kết luận giám định số 6420/KL-KTHS ngày 10/11/2022 của **Phòng K Công an Thành phố H** kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định có nội dung: “3/11TN, 273XC300, 73bao10, 624” trên tài liệu giám định ký hiệu là A so với chữ viết của **Trần Thị D** trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người viết ra. Chữ viết nội dung: “3/11TN - 273XC300 - 73bao10 - 624” trên tài liệu cần giám định ký hiệu là A không bị tẩy xóa, sửa chữa.

Như vậy, số tiền **D** bán số đề cho **H** là 3.900.000 đồng cùng với số tiền **H** thắng của 02 tờ phôi là 194.220.000 đồng. Tổng cộng ngày 03/11/2022, **H** và **D** đánh bạc với số tiền 198.120.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ của **Nguyễn Thị Bé H**: 10.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen; 01 tờ giấy màu trắng kích thước 7,5 cm x 10cm có ghi nội dung “Chị **H** trúng 190.000.000 đồng, trả 20.000.000 đồng, còn lại 170.000.000 đồng.

- Thu giữ của **Trần Thị D**: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng; 01 tờ giấy màu trắng có nội dung “3/11/TN-273 XC 300- 73 bao 10-624”; 04 tờ giấy màu hồng có kích thước 7,5x10cm, có nội dung “3/11/TN 186XC300 bao 10, 86B10, 764”, “3/11/AG, 310XC100, 10b10, 10.24 đá 5,449”; “3/11AG, 349XC400b10, 29b20, 1068”; “3/11/AG, 859XC300, 59bao 10, 624”.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKS-H.HM ngày 03/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố các bị cáo **Trần Thị D** và **Nguyễn Thị Bé H** về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tuyên bố các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị D** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/11/2022 đến ngày 16/11/2022.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/11/2022 đến ngày 16/11/2022.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Thị Bé H**, buộc **Nguyễn Thị Bé H** phải nộp số tiền 21.480.000 đồng tiền thu lợi bất chính, buộc **Trần Thị D** phải nộp số tiền 3.900.000 đồng là số tiền đánh bạc để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý các vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2023, bị cáo **Trần Thị D** có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 14/6/2023, bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** đã thừa nhận những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo **Trần Thị D** trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha đã già 73 tuổi, mẹ đã chết, 02 con bị cáo còn nhỏ, một con mới được 20 tháng tuổi, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; cha và mẹ của bị cáo là cựu chiến binh, cựu ruột là ông **Nguyễn Văn T1** là Liệt sỹ; bị cáo đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện đi làm, nuôi dạy con nhỏ. Bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo học văn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang phải nuôi 03 con nhỏ, trong đó có một con chưa được 03 tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo, cha bị bệnh ung thư, chồng không có việc làm ổn định; đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** kháng cáo trong thời gian hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt và được hưởng án treo. Nhận thấy, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo **H** trình bày bổ sung giấy có giấy tờ thể hiện cha bị bệnh, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo **D** gia đình có công với cách mạng, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, các bị cáo đánh bạc đánh bạc với số tiền lớn nên mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, để có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân **huyện H**, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận huyện Hóc Môn, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: Ngày 03/11/2022, tại địa chỉ **C P, ấp T, xã B, huyện H**, **Trần Thị D** và **Nguyễn Thị Bé H** có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức ghi bán số lô, số đề. Số tiền **D** bán số đề cho **H** là 3.900.000 đồng, sau khi có kết quả xổ số đã xác định được **H** thắng số đề của 02 tờ phôi đề là 194.220.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và phải chịu trách nhiệm hình sự trong ngày 03/11/2022 là 198.120.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử tuyên xử các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên

tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, các bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H**:

Trong vụ án này, các bị cáo mua và bán số đề với số tiền thực tế chỉ là 3.900.000 đồng nhưng do kết quả thắng đề 194.220.000 đồng nên xác định tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và phải chịu trách nhiệm hình sự chung là 198.120.000 đồng, bị cáo **D** mới trả được cho bị cáo **H** 31.480.000 đồng, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo.

Đặc biệt, khi vụ án chưa bị phát giác, bị cáo **D** đã chủ động đến cơ quan công an trình báo sự việc và sau đó chính bị cáo cũng bị khởi tố, điều tra và bị đưa ra xét xử, hành vi này của bị cáo **D** được xác định là “Người phạm tội tự thú” nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo còn nêu thêm các tình tiết giảm nhẹ khác, cụ thể: Bị cáo **Trần Thị D** có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha đã già 73 tuổi, mẹ đã chết, 02 con bị cáo còn nhỏ, một con sinh năm 2021, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình; cha và mẹ của bị cáo là cựu chiến binh, cậu ruột là ông **Nguyễn Văn T1** là Liệt sỹ (có xác nhận của chính quyền địa phương); bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 3.900.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** học văn thấp (01/12), nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo, đang phải nuôi 03 con nhỏ, trong đó có một con sinh năm 2020, cha bị bệnh viêm phế quản phổi, không đặc hiệu, bệnh phổi tắc nghẽn, chồng không có việc làm ổn định, bản thân bị cáo bị bệnh hạch ở cổ (có xác nhận của chính quyền địa phương và hồ sơ bệnh án kèm theo); bị cáo đã nộp lại số tiền 21.480.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng thêm cho bị cáo.

Xét các bị cáo **D**, **H** không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã kể trên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** phải chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa tội phạm, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H**, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

[5] Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2023 bị cáo **Trần Thị D** đã nộp lại số tiền 3.900.000 đồng, ngày 25/8/2023 bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** đã nộp lại số tiền 21.480.000 đồng.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H**, sửa bản án sơ thẩm số 152/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Trần Thị D** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Trần Thị D** cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Trần Thị D** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận sau khi xét xử sơ thẩm: bị cáo **Trần Thị D** đã nộp lại số tiền 3.900.000 (ba triệu chín trăm nghìn) đồng, bị cáo **Nguyễn Thị Bé H** đã nộp lại số tiền 21.480.000 (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng. (Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001922 ngày 17/8/2023 và số AA/2022/0001971 ngày 25/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo **Trần Thị D**, **Nguyễn Thị Bé H** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo).

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- CC THA huyện Hóc Môn; (1)
- Bị cáo; (2)
- TAND huyện Hóc Môn; (2)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (24) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Nguyễn**